

Để phân tích được sự đa dạng của những vấn đề cấp thiết trong kinh tế ở nước ta, cần phải hiểu một cách cơ bản các khái niệm và những nguyên lý chung về kinh tế. Thế nhưng, một số khái niệm và nguyên tắc kinh tế cơ bản trong các sách của phương Tây, vốn xuất phát từ những đặc thù về kinh tế, thể chế và cơ cấu của các nước tư bản chủ nghĩa tiên tiến, lại không phù hợp cho việc nắm bắt hoặc giải quyết các vấn đề kinh tế ở các nước đang phát triển. Do vậy, chúng ta cần chắt lọc từ các học thuyết kinh tế truyền thống những khái niệm và những nguyên lý nào đặc biệt phù hợp cho việc hiểu biết những vấn đề phát triển kinh tế của đất nước.

Học thuyết kinh tế phản ánh cách thức của các nhà kinh tế trong việc sắp xếp các sự việc có liên quan đến đời sống kinh tế, bao gồm: sản xuất, phân phối trao đổi và tiêu dùng, thu nhập, giá cả, công ăn việc làm, xuất nhập khẩu, tiết kiệm và đầu tư.

Học thuyết kinh tế bao gồm một tập hợp các khái niệm và nguyên tắc được chấp nhận trong hành vi kinh tế, nếu chúng được diễn đạt một cách phù hợp và được sắp xếp một cách đúng đắn, thì có thể giúp chúng ta hiểu và giải thích được hoạt động của một hệ thống kinh tế. Quá trình tư duy của các học thuyết kinh tế phần nhiều là mang tính suy diễn; trên cơ sở của một chuỗi thực tế đã biết giả định về các đặc điểm cơ bản của một nền kinh tế, các nhà kinh tế đưa ra các giả thuyết và lập ra một mô hình. Mô hình đó có thể là rất đơn giản mà cũng có thể rất phức tạp. Những kết luận về hoạt động của một nền kinh tế hay một hệ thống kinh tế có thể được suy diễn một cách logic từ các đặc điểm của mô hình, hoặc từ những

NÂNG CAO TÍNH NHẬN THỨC TRONG VẬN DỤNG CÁC HỌC THUYẾT KINH TẾ ĐỐI VỚI VIỆC HOẠCH ĐỊNH CHÍNH SÁCH

TS. NGUYỄN VĂN LUÂN

thử nghiệm ngay trong mô hình. Tuy vậy, để có giá trị, các mô hình cần phải được thường xuyên kiểm nghiệm bằng thực tế thông qua việc sử dụng các số liệu thống kê và các phương pháp thống kê.

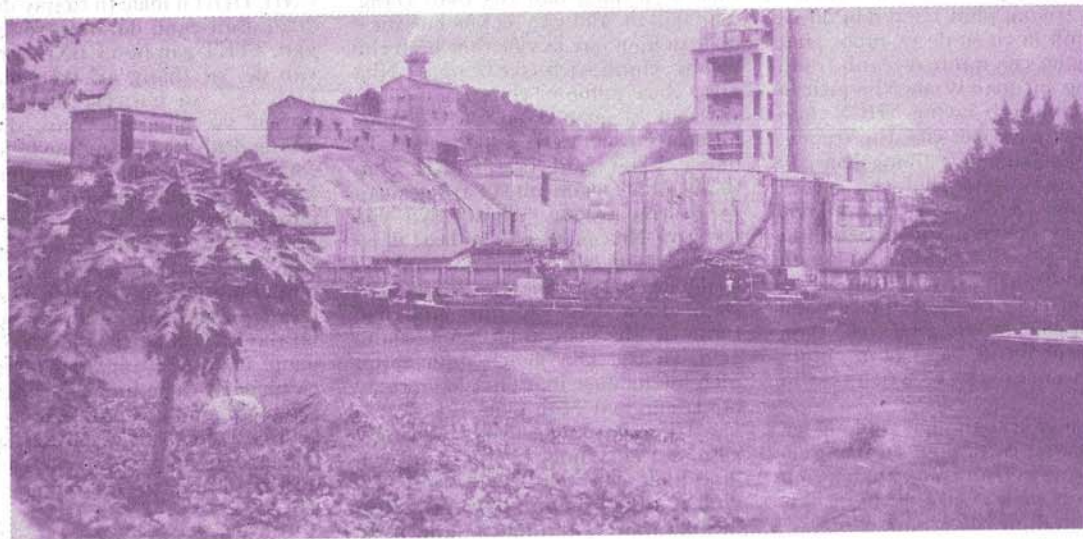
Điểm cốt yếu đầu tiên của bất cứ học thuyết kinh tế nào hay mô hình kinh tế nào là chúng phải giải thích được những đặc điểm cơ bản của một quá trình kinh tế đang tồn tại trong cuộc sống hàng ngày. Bất kỳ học thuyết kinh tế nào hoặc các nguyên lý kinh tế nào cũng cần phải dựa trên những khái niệm trừu tượng và những giả định đơn giản hóa, nhưng việc quyết định lựa chọn loại giả định nào hoặc khái niệm trừu tượng nào không thể mang tính mơ hồ được. Chúng phải phù hợp với thế giới thực tại cũng như với những đặc thù của đời sống kinh tế được quan sát trong thực tế.

Các học thuyết kinh tế và các nguyên lý kinh tế vốn có, có thể có hiệu lực và phù hợp với một nền kinh tế ở một khu vực nhất định hoặc ở một thời điểm nhất định lại có thể

không có hiệu lực đối với các xã hội khác cùng thời hay khác thời. Gunnar Myrdal, nhà kinh tế người Thụy Điển được giải Nobel đã phân ánh quan điểm chống lại việc áp dụng máy móc những khái niệm và học thuyết kinh tế truyền thống vào các quốc gia nghèo khi ông nhận định rằng:

“Các nhà lý luận kinh tế, hơn bất kỳ nhà khoa học xã hội nào khác, đã từ lâu có thiên hướng đưa ra những giả thiết tổng quát rồi sau đó coi chúng là định mệnh để có hiệu lực đối với mọi thời đại, mọi nơi và mọi nền văn hóa. Trong học thuyết kinh tế hiện nay có một xu hướng đi theo đường này tới thái cực đó. Khi những học thuyết và khái niệm phù hợp với những điều kiện đặc biệt của thế giới phương Tây và đương nhiên là bao gồm những giả định ngầm về thực tế xã hội nơi hiện thực hóa phù hợp này được sử dụng để nghiên cứu các nước kém phát triển, nơi chúng không phù hợp, thì hậu quả sẽ rất là nghiêm trọng” (1)

Các lý thuyết kinh tế học được



Ảnh Nguyễn Ngọc

day ở các nước công nghiệp phát triển cũng được chuyển giao và giảng dạy ở các nước đang phát triển thông qua việc nhập các cuốn sách giáo khoa phương Tây, theo truyền thống được chia thành ba phần chính: kinh tế học vi mô, kinh tế học vĩ mô và kinh tế học quốc tế. Kinh tế học vi mô tập trung vào hành vi và các hoạt động của các đơn vị kinh tế riêng lẻ, chủ yếu là các nhà sản xuất và người tiêu dùng. Kinh tế học vĩ mô xem xét toàn bộ nền kinh tế theo những biến số kinh tế tổng hợp như: tiêu dùng, tiết kiệm, đầu tư, cung ứng tiền tệ, tổng sản phẩm quốc nội, công ăn việc làm và mức giá chung. Kinh tế học quốc tế lại nghiên cứu những mối quan hệ về tài chính và thương mại giữa các quốc gia với tư cách là những nước sản xuất hàng xuất khẩu và những nước tiêu thụ hàng nhập khẩu. Do vậy, nó kết hợp những yếu tố của lý thuyết kinh tế vi mô và vĩ mô.

Cơ sở khái niệm và những giả định về hành vi liên kết từng lĩnh vực của phương pháp phân tích kinh tế truyền thống chính là "những tư tưởng" về "sự cân bằng và ổn định" trong một thế giới đang phát triển không ổn định và mất cân bằng. Đây là kinh tế học về sự lựa chọn "cận biên" về "nhiều hơn một chút hoặc ít hơn một chút" trong một thế giới đang phát triển, nơi cần phải có những lựa chọn cơ bản và chủ yếu để có được "nhiều hơn rất nhiều" trong một thời gian càng ngắn càng tốt.

Thực tế của cuộc sống kinh tế ở các nước công nghiệp phát triển lẫn các nước kém phát triển trên thế giới đã khiến cho một số khía cạnh của học thuyết kinh tế vi mô và vĩ mô truyền thống trở nên chẳng còn mấy quan trọng, dù là trong việc phân tích hay hoạch định chính sách.

Trong lý thuyết kinh tế vi mô truyền thống (đôi khi còn gọi là "học thuyết Keynes") nguyên nhân của thất nghiệp là do chưa đủ mức tổng cầu về sản lượng tiềm năng của một quốc gia. Do vậy, bằng cách tăng tổng cầu (tăng chi tiêu của chính phủ hoặc giảm thuế...) để mọi người có nhiều tiền hơn để chi tiêu, các chính phủ có thể thúc đẩy các hoạt động kinh tế và nhờ đó có thể tạo thêm nhiều công ăn việc làm hơn. Ngược lại khi tổng cầu vượt quá khả năng sản xuất (tổng cung) của nền kinh tế sẽ xảy ra lạm phát, vai trò của chính phủ là chi tiêu ít hơn và đánh thuế cao hơn để làm giảm mức cầu của người tiêu dùng, như vậy sẽ kiềm hãm được tốc độ tăng giá chung.

Học thuyết kinh tế vi mô và vĩ mô truyền thống tỏ ra có nhiều khiếm khuyết khi được áp dụng vào hiện thực cuộc sống kinh tế của nhiều nước đang phát triển. Ở những nền

kinh tế đang phát triển, thị trường tài chính, nguồn lực và sản phẩm mang tính phân tán cao độ. Tình trạng phân tán này thường là hậu quả của việc cùng tồn tại các hình thức hoạt động truyền thống lẫn hiện đại trong cả khu vực nông nghiệp và công nghiệp. Tình trạng này còn trở nên phức tạp hơn bởi những hệ thống tín dụng yếu kém và có nhiều khiếm khuyết nên dễ bị tổn thương do ảnh hưởng kinh tế của nước ngoài.

Chúng ta cũng không nên ngạc nhiên về việc kinh tế học vi mô truyền thống của Keynes nhìn chung lại không phù hợp đối với các nước đang phát triển. Phần lớn học thuyết vi mô này đã bị coi là không còn mấy phù hợp vào thời đại ngày nay, ngay cả ở hầu hết các nước công nghiệp phát triển. Do vậy, việc sử dụng các chính sách kinh tế chung của chính phủ để điều chỉnh đường tổng cung và tổng cầu tỏ ra không thích ứng với nền kinh tế hiện nay. Kết quả là các mô hình kinh tế vi mô truyền thống đã mất đi phần lớn tính phù hợp của mình.

Nếu ngay ở các nước công nghiệp phát triển đã tồn tại một khoảng cách như vậy giữa học thuyết kinh tế vi mô và thực tại kinh tế, thì không biết khoảng cách này còn lớn như thế nào nữa ở các nước kém phát triển, nơi mà các hệ thống kinh tế và các thể chế còn chưa xứng với sự phát triển trong quá khứ hay hiện tại.

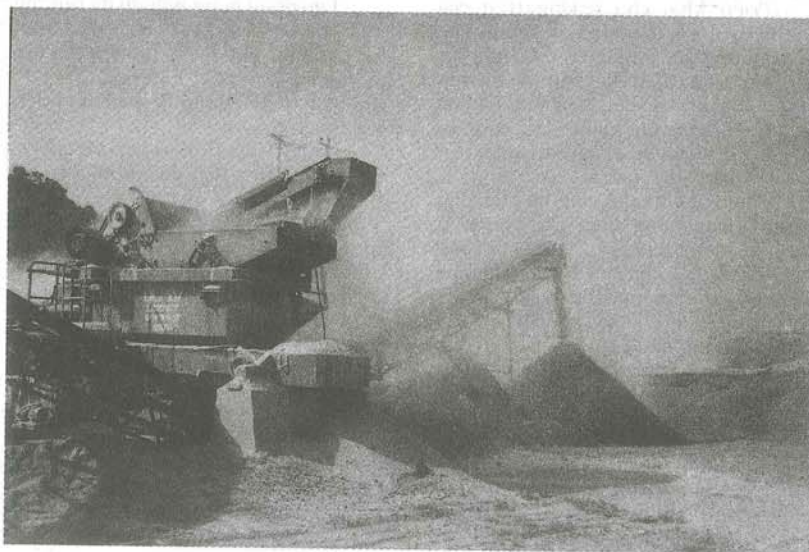
Việc phân biệt "các quá trình tư duy" phổ biến khi so với "nội dung" đa dạng của các học thuyết kinh tế là một việc làm quan trọng cần được nhấn mạnh và làm rõ thêm. Dù chúng ta buộc phải thừa nhận khả năng áp dụng hạn chế một số khái niệm kinh tế truyền thống của phương Tây vào những vấn đề của đất

nước đang phát triển, chúng ta cũng có thể công nhận tính phổ biến nhất định của các quá trình tư duy kinh tế; tức là cách thức mà các nhà kinh tế áp dụng để phân tích các vấn đề và đi đến những kết luận logic dựa trên cơ sở những ý kiến đánh giá rõ ràng, những giả định thực tế và những số liệu đáng tin cậy. Phương pháp luận hoặc quá trình tư duy trong phân tích kinh tế vẫn không đổi mặc dù các quan niệm có thể thay đổi và những chủ trương chính sách có thể khác nhau do việc điều chỉnh những giả định sao cho phù hợp với những đặc thù về kinh tế và thể chế ở các nước. Chính tính phổ biến này của các quá trình tư duy kinh tế đã tạo ra mối liên kết trí tuệ giữa các nhà kinh tế với các quốc gia.

Thế nhưng, cái gọi là những học thuyết "chung" hay "toàn cầu" lại thường là những trường hợp "đặc biệt" khi được truyền bá ở các nước đang phát triển, có thể tượng trưng cho một hình thức "tri thức" tinh vi nhưng lại đầy sức mạnh. Do vậy, cần xem xét những học thuyết này với một thái độ đúng mực khi chúng được áp dụng rập khuôn vào những hoàn cảnh kinh tế, xã hội và thể chế mang tính đặc thù của các nước đang phát triển.

Việc nghiên cứu và vận dụng các học thuyết kinh tế đòi hỏi chúng ta phải cố gắng xác định những khái niệm và các nguyên lý kinh tế nào có thể giúp ta hiểu rõ hơn và có thể giải quyết được những vấn đề kinh tế cấp thiết trên con đường đổi mới của đất nước ■

(1) Gunnar Myrdal trong cuốn "Thăm khọc châu Á: một cuộc điều tra về nghèo đói ở các quốc gia".



Ảnh: Nguyễn Trung Tín